Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

[tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương]

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương]

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 41

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương, là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị trực thuộc	*Địa chỉ*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng Ban	
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc	
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2019
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Trần Kim Liên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61201380/20160383

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương) ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1575-2018-004-1

Trần Thu Hà
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2499-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**471.868.737.957**	**554.952.706.761**
110	***I. Tiền***	***4***	***112.331.994.039***	***115.391.169.425***
111	1. Tiền		112.331.994.039	115.391.169.425
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***456.095.900***	***707.363.800***
121	1. Chứng khoán kinh doanh		636.162.000	731.612.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(180.066.100)	(24.248.200)
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***155.095.032.080***	***222.063.855.475***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	125.165.755.514	191.724.223.676
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	24.426.667.809	10.213.723.084
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.563.196.757	20.186.496.715
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(60.588.000)	(60.588.000)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***200.065.368.268***	***210.368.768.857***
141	1. Hàng tồn kho		201.068.936.818	211.835.314.179
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.003.568.550)	(1.466.545.322)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***3.920.247.670***	***6.421.549.204***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.920.247.670	6.415.687.950
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	5.861.254
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.060.188.235.945**	**859.405.033.538**
220	***I. Tài sản cố định***		***166.528.720.887***	***164.914.086.714***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	162.224.186.522	160.773.034.096
222	Nguyên giá		259.260.830.336	242.988.648.049
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(97.036.643.814)	(82.215.613.953)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.304.534.365	4.141.052.618
228	Nguyên giá		14.409.902.000	13.347.902.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.105.367.635)	(9.206.849.382)
240	***II. Tài sản dở dang dài hạn***		***1.019.394.700***	***1.019.394.700***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.019.394.700	1.019.394.700
250	***III. Đầu tư tài chính dài hạn***	***12***	***891.429.300.526***	***692.039.892.208***
251	1. Đầu tư vào công ty con		865.380.280.526	678.706.252.208
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.049.020.000	13.333.640.000
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***1.210.819.832***	***1.431.659.916***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	776.414.000	964.672.728
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	24.3	434.405.832	466.987.188
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.532.056.973.902**	**1.414.357.740.299**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**334.610.894.583**	**369.825.945.594**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***267.610.894.583***	***369.825.945.594***
`311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	108.402.634.862	116.089.938.623
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	10.499.174.786	61.156.318.328
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.114.423.712	3.733.987.548
314	4. Phải trả người lao động		16.606.011.529	33.478.804.887
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.192.483.379	1.520.486.413
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	22.242.365.929	37.367.842.682
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	16	79.715.631.650	99.073.952.700
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		25.838.168.736	17.404.614.413
330	***II. Nợ dài hạn***		***67.000.000.000***	***-***
338	1. Vay và nợ dài hạn	16	67.000.000.000	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.197.446.079.319**	**1.044.531.794.705**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***17***	***1.197.446.079.319***	***1.044.531.794.705***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		175.869.880.000	152.950.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*175.869.880.000*	*152.950.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.000.000)	(40.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		347.875.169.943	301.448.927.445
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		342.505.501.526	258.927.339.410
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*142.691.422.272*	*93.171.485.445*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*199.814.079.254*	*165.755.853.965*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.532.056.973.902**	**1.414.357.740.299**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phan Thế Tý	Trần Kim Liên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương]

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.025.571.477.279	977.258.161.950
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	44.082.492.575	32.524.604.202
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	19.1	981.488.984.704	944.733.557.748
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	632.187.851.424	574.219.325.850
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		349.301.133.280	370.514.231.898
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	27.836.155.594	8.173.979.427
22	7. Chi phí tài chính	21	20.055.782.303	16.276.524.422
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*8.816.715.764*	*6.733.957.291*
25	8. Chi phí bán hàng	22	80.232.300.044	80.088.796.907
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	66.301.633.099	85.086.575.978
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		210.547.573.428	197.236.314.018
31	11. Thu nhập khác		7.573.741	3.606.219.667
32	12. Chi phí khác		423.122.203	1.398.087.009
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(415.548.462)	2.208.132.658
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		210.132.024.966	199.444.446.676
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	9.884.636.850	10.090.277.543
52	16. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	24.3	32.581.356	(466.987.188)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		200.214.806.760	189.821.156.321

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phan Thế Tý	Trần Kim Liên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		958.689.908.558	817.351.740.039
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(663.411.556.590)	(555.127.568.089)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(95.532.418.016)	(84.325.092.471)
04	Tiền lãi vay đã trả		(4.348.089.830)	(6.764.842.389)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.924.561.392)	(10.188.033.615)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.822.104.296	21.257.368.451
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(57.960.897.610)	(43.435.784.420)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**152.334.489.416**	**138.767.787.506**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(21.301.398.620)	(8.474.278.015)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(187.174.028.318)	(87.664.231.270)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		595.450.000	412.750.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.772.951.876	7.474.358.927
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(180.107.025.062)**	**(88.251.400.358)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(10.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		265.544.845.550	200.173.716.750
34	Tiền trả nợ gốc vay		(217.903.166.600)	(221.783.237.975)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.929.194.000)	(45.850.584.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**24.702.484.950**	**(67.460.105.225)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(3.070.050.696)**	**(16.943.718.077)**
60	**Tiền đầu năm**		**115.391.169.425**	**132.334.894.235**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		10.875.310	(6.733)
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**112.331.994.039**	**115.391.169.425**

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phan Thế Tý	Trần Kim Liên

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương, là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị trực thuộc	*Địa chỉ*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 342 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 349 nhân viên).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính trong năm*
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (tên trước đây là "Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam")	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94,66%	94,66%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	79,27%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Ham	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.

(*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	2 - 5 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	17.173.624.299	12.773.527.898
Tiền gửi ngân hàng	95.158.369.740	102.617.641.527
TỔNG CỘNG	**112.331.994.039**	**115.391.169.425**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	101.757.000.000
Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Điện Biên	6.739.480.000	9.463.640.000
Phải thu từ khách hàng khác	107.215.987.150	71.982.792.276
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*	11.210.288.364	8.520.791.400
TỔNG CỘNG	**125.165.755.514**	**191.724.223.676**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(60.588.000)	(60.588.000)

5.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán	7.281.664.000	847.413.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp	*6.355.000.000*	-
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	*926.664.000*	*847.413.000*
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	17.145.003.809	9.366.310.084
Ông Trần Hoài Linh	*2.760.000.000*	-
Hợp tác xã Hữu Nghị	*2.327.000.000*	-
Ban Quản lý Dự án Khu công nghiệp Hà Nam	*2.000.000.000*	-
Ông Nguyễn Quốc Khởi	*1.820.422.245*	-
Ông Phạm Quốc Thịnh	-	*2.000.000.000*
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	*8.237.581.564*	*7.366.310.084*
TỔNG CỘNG	**24.426.667.809**	**10.213.723.084**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ký cược, ký quỹ	3.284.000.000	-
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	657.120.114	878.400.000
Phải thu từ các dự án tài trợ	187.710.271	1.727.756.918
Đầu tư vào cổ phiếu	-	12.715.380.000
Phải thu khác	1.434.366.372	4.864.959.797
TỔNG CỘNG	**5.563.196.757**	**20.186.496.715**
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác	*4.399.753.256*	*17.881.422.055*
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	*1.163.443.501*	*2.305.074.660*

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
Đối tượng nợ	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Phòng nông nghiệp huyện Thạch Hà	1.680.000	-	1.680.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Phủ Quỳ	30.336.000	-	30.336.000	-
Bà Nguyễn Hường -Trạm Bảo vệ thực vật Cẩm Xuyên – Hà Tĩnh	8.572.000	-	8.572.000	-
Bà Nguyễn Thị Đào	20.000.000	-	20.000.000	-
TỔNG CỘNG	**60.588.000**	**-**	**60.588.000**	**-**

Các khoản nợ trên đã được Công ty trích lập dự phòng 100% giá trị phải thu.

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Thành phẩm	168.484.425.996	(1.003.568.550)	166.458.906.855	(1.466.545.322)
Hàng hóa	14.639.445.980	-	28.051.014.929	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.618.878.582	-	17.291.796.298	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	281.952.395	-	23.885.287	-
Công cụ, dụng cụ	44.233.865	-	9.710.810	-
TỔNG CỘNG	**201.068.936.818**	**(1.003.568.550)**	**211.835.314.179**	**(1.466.545.322)**

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	1.466.545.322	1.616.932.898
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.982.429.664	859.583.131
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.445.406.436)	(1.009.970.707)
Số cuối năm	**1.003.568.550**	**1.466.545.322**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Bao bì, tem nhãn	3.920.247.670	6.415.687.950
TỔNG CỘNG	**3.920.247.670**	**6.415.687.950**
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa	776.414.000	964.672.728
TỔNG CỘNG	**776.414.000**	**964.672.728**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	133.018.038.975	87.764.948.101	20.431.588.183	1.774.072.790	242.988.648.049
Mua trong năm	11.637.527.787	3.494.654.500	1.140.000.000	-	16.272.182.287
Số cuối năm	144.655.566.762	91.259.602.601	21.571.588.183	1.774.072.790	259.260.830.336
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*8.318.488.981*	*26.616.683.585*	*4.353.218.953*	*732.563.000*	*40.020.954.519*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	32.353.723.556	37.962.293.876	10.780.869.118	1.118.727.403	82.215.613.953
Khấu hao trong năm	6.401.337.884	6.450.470.530	1.754.593.941	214.627.506	14.821.029.861
Số cuối năm	38.755.061.440	44.412.764.406	12.535.463.059	1.333.354.909	97.036.643.814
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	100.664.315.419	49.802.654.225	9.650.719.065	655.345.387	160.773.034.096
Số cuối năm	105.900.505.322	46.846.838.195	9.036.125.124	440.717.881	162.224.186.522

Công ty đã sử dung toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai. Khoản vay đã được hoàn trả trong năm và Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải chấp các tài sản này.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Bản quyền*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.275.787.000	962.115.000	10.110.000.000	13.347.902.000
Tăng trong năm	-	380.000.000	682.000.000	1.062.000.000
Số cuối năm	2.275.787.000	1.342.115.000	10.792.000.000	14.409.902.000
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	-	*9.310.000.000*	*9.310.000.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	357.182.697	8.849.666.685	9.206.849.382
Hao mòn trong năm	-	247.205.775	651.312.478	898.518.253
Số cuối năm	-	604.388.472	9.500.979.163	10.105.367.635
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	2.275.787.000	604.932.303	1.260.333.315	4.141.052.618
Số cuối năm	2.275.787.000	737.726.528	1.291.020.837	4.304.534.365

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				*Số đầu năm*			
	Giá gốc (VND)	*Số lượng (cổ phiếu)*	*Dự phòng (VND)*	*Giá trị hợp lý (VND)*	*Giá gốc (VND)*	*Số lượng (cổ phiếu)*	*Dự phòng (VND)*	*Giá trị hợp lý (VND)*
Đầu tư vào công ty con								
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (i)	780.948.492.526	12.794.862	-	923.789.036.400	593.774.464.208	10.123.804	-	615.546.739.200
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (ii)	30.608.000.000	306.080	-	(ii)	30.608.000.000	306.080	-	(ii)
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam (ii)	6.823.788.000	450.100	-	(ii)	6.823.788.000	450.100	-	(ii)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam (ii) (iii)	47.000.000.000	4.700.000	-	(ii)	47.500.000.000	4.750.000	-	(ii)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (ii) (iv)	13.333.640.000	99.938	-	(ii)	13.333.640.000	99.938	-	(ii)
- Đơn vị khác (ii) (v)	12.715.380.000	94.188	-	(ii)	-	-	-	(ii)
TỔNG CỘNG	**891.429.300.526**				**692.039.892.208**			

(i) Trong năm 2018, Công ty đã mua 2.671.058 cổ phần của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và qua đó tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này lên thành 94,66%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã sử dụng 1.500.000 cổ phiếu của công ty này để thế chấp cho khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.

(ii) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

(iii) Trong năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng 50.000 cổ phần được đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam cho một nhà đầu tư khác. Ngoài ra, công ty này cũng nhận góp vốn bổ sung từ các nhà đầu tư khác với tổng giá trị cổ phần được phát hành là 2,5 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con này trong năm giảm xuống còn 94%.

(iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.

(v) Đây là khoản đầu tư vào cổ phiếu của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm giống cây trồng.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của công ty tại các công ty con như sau:

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94,66%	94,66%	74,90%	74,90%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00%	94,00%	100%	100%

Thông tin về các khoản đầu tư vào các công ty con nêu trên được trình bày tại Thuyết minh số 1.

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho người bán				
- *Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc*	*62.783.814.475*	*62.783.814.475*	*47.926.968.424*	*47.926.968.424*
- *Phải trả đối tượng khác*	*25.942.654.208*	*25.942.654.208*	*38.614.304.059*	*38.614.304.059*
Phải trả nhà thầu xây dựng	3.664.066.840	3.664.066.840	925.509.673	925.509.673
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*	16.012.099.339	16.012.099.339	28.623.156.467	28.623.156.467
TỔNG CỘNG	**108.402.634.862**	**108.402.634.862**	**116.089.938.623**	**116.089.938.623**

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cửa hàng số 2 Lục Nam – Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Giang	1.210.916.314	1.051.850.600
Người mua trả tiền trước khác	9.288.258.472	60.104.467.728
TỔNG CỘNG	**10.499.174.786**	**61.156.318.328**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	36.586.401	348.451.821	(379.220.365)	5.817.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.625.302.150	9.884.636.850	(9.924.561.392)	1.585.377.608
Thuế thu nhập cá nhân	2.072.098.997	10.890.755.197	(12.439.625.947)	523.228.247
Thuế khác	-	674.506.896	(674.506.896)	-
TỔNG CỘNG	**3.733.987.548**	**21.798.350.764**	**(23.417.914.600)**	**2.114.423.712**

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ tức phải trả	-	22.925.292.000
Quỹ lương chưa thanh toán đã nộp thuế TNDN	15.648.588.179	10.255.178.149
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	851.501.469	27.749.380
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	33.096.000	69.452.988
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.409.183.531	1.790.173.415
TỔNG CỘNG	**22.242.365.929**	**37.367.842.682**
Nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Trong đó:		
- *Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 25)*	-	*17.206.875.000*
- *Phải trả ngắn hạn đối tượng khác*	*22.242.365.929*	*20.160.967.682*

16. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		*Trong năm*		*Số cuối năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn	**99.073.952.700**	**99.073.952.700**	**158.544.845.550**	**177.903.166.600**	**79.715.631.650**	**79.715.631.650**
Vay ngân hàng ngắn hạn	91.311.216.750	91.311.216.750	158.544.845.550	170.140.430.650	79.715.631.650	79.715.631.650
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	7.762.735.950	7.762.735.950	-	7.762.735.950	-	-
Vay dài hạn	**-**	**-**	**107.000.000.000**	**40.000.000.000**	**67.000.000.000**	**67.000.000.000**
Trái phiếu phát hành	-	-	107.000.000.000	40.000.000.000	67.000.000.000	67.000.000.000
TỔNG CỘNG	**99.073.952.700**	**99.073.952.700**	**265.544.845.550**	**217.903.166.600**	**146.715.631.650**	**146.715.631.650**

16. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	79.715.631.650	Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng với kỳ hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20 tháng 6 năm 2019. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**79.715.631.650**		

16.2 Trái phiếu phát hành

Trái chủ	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	60.000.000.000	- Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần tại thời điểm đáo hạn vào ngày 14 tháng 5 năm 2020. - Lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.	9%	Không
Các cá nhân	7.000.000.000	- Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần tại thời điểm đáo hạn vào ngày 14 tháng 5 năm 2020. - Lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.	9%	Không
TỔNG CỘNG	**67.000.000.000**			

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư và phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số dư đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	268.232.472.616	183.980.358.360	936.368.358.826
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	189.821.156.321	189.821.156.321
Trích lập quỹ	-	-	-	47.468.148.934	(47.468.148.934)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(20.186.765.315)	(20.186.765.315)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(22.925.292.000)	(22.925.292.000)
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	(22.925.292.000)	(22.925.292.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	(228.666.666)	(228.666.666)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	(1.140.010.356)	(1.140.010.356)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(14.251.694.105)	-	(14.251.694.105)
Số dư cuối năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	301.448.927.445	258.927.339.410	1.044.531.794.705

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư và phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm nay						
Số dư đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	301.448.927.445	258.927.339.410	1.044.531.794.705
Phát hành cổ phiếu (*)	22.919.880.000	-	-	-	(22.919.880.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	200.214.806.760	200.214.806.760
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(10.000.000)	-	-	(10.000.000)
Trích lập quỹ (**)	-	-	-	65.457.882.945	(65.457.882.945)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(28.112.067.930)	(28.112.067.930)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 bằng tiền mặt (*)	-	-	-	-	(3.902.000)	(3.902.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(142.911.769)	(142.911.769)
Sử dụng quỹ (***)	-	-	-	(19.031.640.447)	-	(19.031.640.447)
Số dư cuối năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	347.875.169.943	342.505.501.526	1.[illegible]97.446.079.319

(*) Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2017 thông qua việc phát hành bổ sung 2.291.988 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ2018 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty năm 2018 ngày 19 tháng 4 năm 2018. Phần cổ tức tương ứng số cổ phiếu lẻ đã được Công ty thanh toán bằng tiền mặt cho các cổ đông.

(**) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ2018 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty năm 2018 ngày 19 tháng 4 năm 2018.

(***) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng số	*Cổ phiếu thường*	*Cổ phiếu ưu đãi*	*Tổng số*	*Cổ phiếu thường*	*Cổ phiếu ưu đãi*
Vốn góp của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
- *Vốn góp của Công ty Cổ phần PAN FARM*	*140.787.070.000*	*140.787.070.000*	-	*114.712.500.000*	*114.712.500.000*	-
- *Các cổ đông khác*	*35.082.810.000*	*35.082.810.000*	-	*38.237.500.000*	*38.237.500.000*	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
TỔNG CỘNG	**507.115.407.850**	**507.115.407.850**	**-**	**484.195.527.850**	**484.195.527.850**	**-**

17.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đã góp		
Số đầu năm	152.950.000.000	152.950.000.000
Tăng trong năm	22.919.880.000	-
Số cuối năm	175.869.880.000	152.950.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	**22.923.782.000**	**45.850.584.000**
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017 (0,15 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	22.919.880.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2017	3.902.000	-
Cổ tức cho năm 2017 (tạm chia): 1.500 đồng/cổ phiếu	-	22.925.292.000
Cổ tức cho năm 2016, đợt 2: 1.500 đồng/cổ phiếu	-	22.925.292.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	**45.849.074.000**	**45.850.584.000**
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017 (0,15 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	22.919.880.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2017	3.902.000	-
Cổ tức cho năm 2017: 1.500 đồng/cổ phiếu (*)	22.925.292.000	-
Cổ tức cho năm 2016: 3.000 đồng/cổ phiếu	-	45.850.584.000

(*) Đây là giá trị tạm ứng chia cổ tức cho năm 2017 được công bố theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-HĐQT-CTG ngày 22 tháng 12 năm 2017 và được phê duyệt chính thức theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ2018 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2018.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	17.586.988	15.295.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	17.586.988	15.295.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	12.472	11.472
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	17.574.516	15.283.528
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2017: 10.000 đồng/cổ phiếu)

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	22.631.731.300	85.503.632.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	9.474	9.510
- Nhân dân tệ (CNY)	10.096	93.273
- Kíp Lào (LAK)	-	1.000.000
- Euro (EURO)	2.170	2.170
Nợ khó đòi đã xử lý	2.892.931.475	2.892.931.475

(*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được Công ty nhận giữ hộ theo Hợp đồng mua bán hạt giống ngô, hạt giống lúa mua tăng dự trữ quốc gia năm 2018 số 01 HĐMB/DTQG ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Hợp đồng bảo quản hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2018 số 01 HĐBQ/DTQG ngày 22 tháng 9 năm 2018.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**1.025.571.477.279**	**977.258.161.950**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	*1.025.426.977.279*	*976.167.355.582*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*144.500.000*	*1.090.806.368*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**44.082.492.575**	**32.524.604.202**
Chiết khấu thương mại	*8.688.116.640*	*9.339.743.762*
Hàng bán bị trả lại	*35.028.035.835*	*23.026.830.740*
Giảm giá hàng bán	*366.340.100*	*158.029.700*
Doanh thu thuần	**981.488.984.704**	**944.733.557.748**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	*981.344.484.704*	*943.642.751.380*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*144.500.000*	*1.090.806.368*
Trong đó:		
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba	*927.125.373.745*	*889.416.366.095*
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	*54.363.610.959*	*55.317.191.653*

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.489.533.276	623.536.427
Cổ tức được chia	25.629.330.000	7.550.443.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	717.292.318	-
TỔNG CỘNG	**27.836.155.594**	**8.173.979.427**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	632.650.828.196	574.369.713.426
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(462.976.772)	(150.387.576)
TỔNG CỘNG	**632.187.851.424**	**574.219.325.850**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chiết khấu thanh toán	9.279.075.955	7.400.115.093
Chi phí lãi vay	8.816.715.764	6.733.957.291
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.804.172.684	2.083.470.338
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	-	34.733.500
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	155.817.900	24.248.200
TỔNG CỘNG	**20.055.782.303**	**16.276.524.422**

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
Chi phí tiền lương	29.552.508.679	28.632.327.182
Chi phí vận chuyển	15.335.635.184	15.318.282.476
Chi phí khấu hao	1.265.598.114	4.195.012.567
Chi phí bán hàng khác	34.078.558.067	31.943.174.682
TỔNG CỘNG	**80.232.300.044**	**80.088.796.907**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền lương	41.059.848.149	57.207.788.884
Chi phí khấu hao	3.422.953.984	3.477.490.394
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	21.818.830.966	24.401.296.700
TỔNG CỘNG	**66.301.633.099**	**85.086.575.978**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	594.389.430.223	567.998.933.225
Chi phí nhân công	78.357.454.436	92.791.527.661
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định *(Thuyết minh số 10, 11)*	15.719.548.114	16.894.400.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.932.918.804	53.445.294.936
Chi phí khác	18.194.450.290	17.133.049.131
TỔNG CỘNG	**767.593.801.867**	**748.263.205.178**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Căn cứ vào Giấy Chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

(i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN;

(ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và

(iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.670.233.342	9.645.017.715
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	214.403.508	445.259.828
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	32.581.356	(466.987.188)
TỔNG CỘNG	**9.917.218.206**	**9.623.290.355**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	210.132.024.966	199.444.446.676
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty:		
- Hoạt động khoa học công nghệ: 5%	10.506.226.248	9.914.397.034
- Hoạt động khác: 20%	1.500.000	231.301.198
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	214.403.508	445.259.828
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	476.554.950	273.109.555
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Cổ tức được chia	(1.281.466.500)	(850.886.113)
Chiết khấu thương mại đã tính thuế năm trước	-	(389.891.147)
Chi phí thuế TNDN	**9.917.218.206**	**9.623.290.355**

24.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

24.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chiết khấu thương mại chưa xuất hóa đơn	434.405.832	466.987.188	32.581.356	(466.987.188)
	434.405.832	**466.987.188**		
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng			**32.581.356**	**(466.987.188)**

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	13.114.895.600	11.525.936.075
		Cổ tức được chia	918.240.000	765.200.000
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	37.786.334.559	37.320.072.850
		Mua hàng hóa	2.188.750.000	2.972.150.000
		Cổ tức được chia	675.150.000	675.150.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	2.615.720.000	5.885.172.728
		Cổ tức được chia	20.247.608.000	-
		Mua hàng hóa	56.417.458.786	44.039.822.198
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	56.192.500	586.010.000
Công ty Cổ phần ĐT&PTNN Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	370.865.500	-
		Mua hàng hóa	992.949.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	417.654.000	-
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2017	-	17.206.875.000
		Chi trả cổ tức bằng tiền	17.206.875.000	17.206.875.000
		Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	26.074.570.000	-
		Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm	1.948.800	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2017: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

25. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 5.1)*				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Bán hàng hóa	3.446.484.320	1.043.868.500
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	7.763.804.044	7.476.922.900
			11.210.288.364	**8.520.791.400**
Phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 6)*				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con	Phải thu về chi hộ chi phí hoạt động	1.163.443.501	1.629.924.660
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Phải thu tiền cổ tức	-	675.150.000
			1.163.443.501	**2.305.074.660**
Phải trả cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 13.1)*				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	15.517.099.339	27.719.013.053
		Chi phí thuê văn phòng	495.000.000	904.143.414
			16.012.099.339	**28.623.156.467**
Phải trả ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 15)*				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức	-	17.206.875.000
			-	**17.206.875.000**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	11.366.300.549	9.786.371.071
Thù lao Hội đồng Quản trị	400.727.510	1.110.861.283
	11.767.028.059	**10.897.232.354**

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	536.911.302	536.911.302
Trên 1 – 5 năm	2.147.645.208	2.147.645.208
Trên 5 năm	16.644.250.362	17.181.161.664
TỔNG CỘNG	**19.328.806.872**	**19.865.718.174**

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Như Quỳnh	Phan Thế Tý	Trần Kim Liên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019